

Số: 731 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Tiêu chí, thang điểm đánh giá,
xếp loại công tác dân vận chính quyền của các cơ quan
nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25 tháng 02 năm 2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 200/TTr-SNV ngày 19 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Tiêu chí, thang điểm đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá công tác dân vận chính quyền trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BNV;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CVP, các PVP Long Thành, Nhung;
- Sở Nội vụ;
- Phòng NCPC;
- Lưu: VT, Vp Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.



Trần Văn Chiến

60

QUY ĐỊNH

Về tiêu chí, thang điểm đánh giá, xếp loại thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 731 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mục đích, nguyên tắc, trình tự thực hiện đánh giá xếp loại công tác dân vận chính quyền và quy định cụ thể tiêu chí, thang điểm đánh giá, xếp loại thực hiện công tác dân vận chính quyền hàng năm đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

Kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện công tác dân vận chính quyền là một trong những cơ sở để xem xét, đánh giá thi đua của các cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá công tác dân vận chính quyền

Việc chấm điểm cụ thể dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả công việc đạt được theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí và đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, dân chủ và đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Trình tự, thời gian thực hiện đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền

1. Cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền theo phụ lục gửi kèm theo Quy định này.

Thời gian gửi kết quả tự đánh giá về Sở Nội vụ chậm nhất là ngày 05 tháng 01 hàng năm.

2. Sở Nội vụ phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy thực hiện thẩm định kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị.

Thời gian hoàn thành việc thẩm định, báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Quyết định đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan, đơn vị. chậm nhất là ngày 25 tháng 01 hàng năm.

CHƯƠNG II

TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM VÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tiêu chí đánh giá thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan nhà nước

Gồm có 5 tiêu chí đánh giá (Phụ lục bảng điểm đánh giá công tác dân vận chính quyền đính kèm theo Quy định này), cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do pháp luật quy định.
2. Kết quả thực hiện Kế hoạch Dân vận chính quyền do UBND tỉnh ban hành và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có liên quan.
3. Kết quả chỉ số cải cách hành chính.
4. Khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.
5. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 6. Thang điểm đánh giá công tác dân vận chính quyền

1. Việc chấm điểm được thực hiện dựa trên 5 tiêu chí đánh giá được nêu tại Điều 5 Chương II của Quy định này. Mỗi tiêu chí quy định một, hoặc nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan nhà nước. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang điểm từ 5 đến 30 điểm, với tổng số là 100 điểm.

2. Cách chấm điểm từng nội dung tiêu chí: tiêu chí nào đạt tất cả các nội dung thì chấm điểm tối đa, trường hợp không đạt thì tùy theo mức độ đạt được để chấm điểm.

Điều 7. Xếp loại công tác dân vận chính quyền

1. Xếp loại tốt: Tổng điểm đạt từ 90 đến 100 điểm;
2. Xếp loại khá: Tổng điểm đạt từ 70 đến 89 điểm;
3. Xếp loại trung bình: Tổng điểm đạt từ 60 đến 69 điểm;
4. Xếp loại yếu: Tổng điểm đạt dưới 60 điểm.

Điều 8. Thành phần hồ sơ thực hiện thẩm định, đánh giá

1. Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền.

2. Bảng tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị theo thang điểm cho từng tiêu chí dân vận chính quyền.

3. Danh mục các tài liệu kiểm chứng theo từng nội dung tiêu chí, bao gồm các báo cáo, tài liệu, sản phẩm chứng minh kết quả đạt được. Nội dung nào không có tài liệu kiểm chứng thì nội dung đó xem như không thực hiện và không chấm điểm.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố

Căn cứ quy định này, tổ chức triển khai, nghiên cứu thực hiện.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm, các cơ quan, đơn vị có kế hoạch khắc phục hạn chế để cải thiện tốt nhiệm vụ công tác dân vận chính quyền của những năm tiếp theo.

Chủ tịch UBND huyện, thành phố có thể áp dụng quy định này để thực hiện đánh giá công tác dân vận chính quyền của các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc cụ thể hóa phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác dân vận chính quyền tại một số cơ quan, đơn vị trên cơ sở các tiêu chí nêu trên (có Kế hoạch riêng).

b) Hàng năm, tiến hành chấm điểm, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận chính quyền của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, thành phố trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

PHỤ LỤC BẢNG ĐIỂM CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 731 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Tiêu chí và tiêu chí thành phần	Nội dung cụ thể của từng tiêu chí được phân theo từng mục	Điểm chuẩn	Tài liệu chứng minh kết quả thực hiện
1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do pháp luật quy định		20	
	Hoàn thành 100% các nhiệm vụ đã đề ra trong năm theo kế hoạch công tác hoặc chương trình làm việc của UBND tỉnh: - Nếu tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm đạt từ 90% đến 100% đạt: 20 điểm; - Từ 80% đến 89%: 15 điểm; - Từ 70% đến 79%: 10 điểm. - Dưới 70%: 5 điểm.		Kế hoạch/chương trình công tác và báo cáo kết quả thực hiện.
2. Kết quả thực hiện Kế hoạch Dân vận chính quyền do UBND tỉnh ban hành và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có liên quan		20	
2.1	Có xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền đảm bảo đúng, đủ yêu cầu theo Kế hoạch của UBND tỉnh ban hành hàng năm.	5	Tài liệu kiểm chứng: Kế hoạch thực hiện công tác Dân vận chính quyền năm
2.2	- Hoàn thành 100% các nội dung kế hoạch đã đề ra: 10đ - Nếu tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm đạt từ 90% đến 100% đạt: 5 điểm; - Từ 80% đến 89%: 3 điểm; - Từ 70% đến 79%: 2 điểm. - Dưới 70%: 1 điểm.	10	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch thực hiện dân vận chính quyền (kèm theo sản phẩm/kết quả để chứng minh)
2.3	Thực hiện đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có liên quan	5	Các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh (hoặc Sở Nội vụ theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao), Ban Vận vận Tỉnh ủy.

3. Kết quả chỉ số cải cách hành chính		30	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương đạt từ 95 đến 100 điểm: 30 điểm - Đạt từ 90 đến 94 điểm: 25 điểm - Đạt từ 80 đến 89 điểm: 20 điểm - Đạt từ 75 đến 79 điểm: 15 điểm - Đạt từ 70 đến 74 điểm: 10 điểm - Dưới 70 điểm: 5 điểm. 		Quyết định công bố chỉ số cải cách hành chính của cơ quan có thẩm quyền.
4 . Khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước		10	<p>Áp dụng đối với các cơ quan có TTHC thường xuyên giải quyết cho người dân, doanh nghiệp. Kết quả khảo sát đạt từ 80% trở lên 10 điểm, dưới 80% tính theo công thức:</p> <p>điểm= (tỷ lệ kết quả khảo sát) *10/80%</p> <p>Đối với các cơ quan chuyên môn cấp huyện, lấy kết quả khảo sát của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện để tính điểm theo quy định.</p> <p>* Lưu ý: việc khảo sát mức độ hài lòng phải thực hiện đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và UBND tỉnh.</p>
5. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở		20	Căn cứ kết quả đánh giá của Ban chỉ đạo quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác vận động quần chúng tỉnh.
	Điểm= (điểm đạt được theo đánh giá của BCD quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác vận động quần chúng tỉnh *20)/100		Riêng huyện, thành phố là kết quả đánh giá cho BCD các huyện, thành phố
Tổng điểm		100	